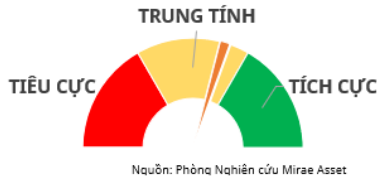


08 Tháng 03, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,049.18	1.1	-2.1	-28.8
HNX	208.68	0.6	-0.9	-53.2
UPCOM	76.49	0.4	0.1	-32.1
MSCI EM	988.38	-0.5	-3.2	-9.8
NIKKEI	28,444.19	0.5	3.0	14.7
HANG SENG	20,051.25	-2.4	-5.8	-3.4
KOSPI	2,431.91	-1.3	-2.1	-7.3
FTSE	7,899.47	-0.3	0.2	13.4
S&P 500	3,986.37	-1.5	-3.2	-4.4
NASDAQ	11,530.33	-1.2	-3.2	-9.9

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.5	1.6	14.0
Indonesia	14.9	2.0	13.5
Philippines	15.4	1.6	10.9
Malaysia	15.0	1.4	10.5
Thái Lan	19.5	1.6	8.4

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	3.9	3	5	229
TPCP 10 năm	4.4	1	26	210

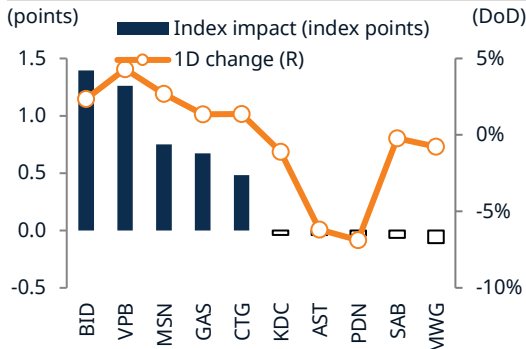
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,651	-0.1	0.6	3.5
US\$/KRW	1,321.4	1.7	4.8	7.1
US\$/JPY	137.6	0.3	4.7	18.9
US\$/EUR	0.95	0.1	1.7	3.4
US\$/GBP	0.85	0.0	2.0	10.7
US\$/SGD	1.35	0.0	2.1	-0.8

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	295	315	415
HNX	28	40	43
UPCOM	9	15	17

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Bất động sản, xây dựng dậy sóng

Ảnh hưởng đà giảm phiên trước của chứng khoán Mỹ, đã khiến thị trường Việt Nam khởi đầu phiên giảm điểm khá mạnh, và duy trì suốt cả phiên sáng. Tuy nhiên, dòng tiền phục hồi mạnh vào cuối phiên giúp cho VN-Index chốt phiên ở mức giá cao nhất trong ngày.

VN-Index đóng cửa tại 1.049 điểm, tăng hơn 11 điểm (1,09%). Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt hơn 480 triệu cổ phiếu, tăng 13% so với phiên trước. Trong đó, nhóm bất động sản (DXG, SCR, CEO, VRE, ...), xây dựng (LCG, VCG, HHV, C4G, ...) tăng điểm mạnh, thu hút dòng tiền.

Ngoài ra, nhóm ngân hàng (VPB, STB, MBB, LPB, ...) và chứng khoán (VND, SSI, VCI, ...) cũng có ngày tăng điểm mạnh mẽ đóng góp tích cực cho đà tăng trong ngày.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 2 liên tiếp với giá trị hôm nay đạt hơn 240 tỷ đồng, tập trung chính ở các mã: HPG (44 tỷ), VND (38 tỷ), SSI (32 tỷ), FRT (27 tỷ).

Phiên tăng điểm mạnh giúp điểm số kỹ thuật của VN-Index tăng từ mức 0 lên mức +2 điểm, nhưng đánh giá ngắn hạn duy trì ở mức TRUNG TÍNH.

Đinh Minh Trí Analyst, 84-8-39102222, tri.dm@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-2	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-6	TIÊU CỰC
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (08/03/2023)	1.049	Kháng cự 1 1.050
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.080
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.020
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.000

VN-Index tăng điểm trong phiên kèm thanh khoản cải thiện vượt trung bình 20 phiên, kỳ vọng nhịp hồi phục sẽ hướng về ngưỡng kháng cự cao hơn 1.060-1.070 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (08/03/2023)	1.038	Kháng cự 1	1.030
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.080
VN30 - đóng cửa	1.040	Hỗ trợ 1	1.000
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,59	Hỗ trợ 2	980

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH

VN30F1M kết phiên tăng điểm. Basis hợp đồng VN30F1M so với VN30 đạt -2,59 điểm. Điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn theo thang điểm của chúng tôi đang ở mức 2 (Trung tính).

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PVT	Vận tải Thủy	21,500	1,984,100	92	7	Top sức mạnh ngành
POW	Điện	12,750	7,750,760	78	7	
DHC	Sản xuất giấy	39,700	119,820	99	4	Top sức mạnh ngành
PLC	Nhựa đường	33,900	916,820	94	7	Top sức mạnh ngành
HSG	Thép	16,250	18,936,716	74	7	Top sức mạnh ngành
NKG	Thép	16,700	11,737,065	84	7	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HSG	16.25	18,936,716	7	KHẢ QUAN	9,718	#N/A N/A	1.0	308
NKG	16.7	11,737,065	7	KHẢ QUAN	4,397	#N/A N/A	0.8	196
POW	12.75	7,750,760	7	KHẢ QUAN	29,859	15.8	1.0	99
CTG	29.4	2,565,470	7	KHẢ QUAN	141,289	8.4	1.3	75
PVC	16.5	2,154,875	7	KHẢ QUAN	825	60.3	1.1	36
HDB	18.6	2,137,110	7	KHẢ QUAN	46,784	6.0	1.3	40
APG	6.82	2,059,975	7	KHẢ QUAN	998	#N/A N/A	0.7	14
PVT	21.5	1,984,100	7	KHẢ QUAN	6,959	8.3	1.2	43
VND	14.7	15,886,685	5	KHẢ QUAN	17,902	14.7	1.2	234
VPB	18.15	13,993,500	5	KHẢ QUAN	121,845	6.7	1.3	254
SSI	19.8	12,112,250	5	KHẢ QUAN	29,683	13.6	1.3	240
SHS	8.7	9,538,395	5	KHẢ QUAN	7,074	36.0	0.7	83
LPB	14.65	8,638,550	5	KHẢ QUAN	25,331	5.0	1.1	127
PVS	27.5	6,880,600	5	KHẢ QUAN	13,144	18.3	1.1	189
PDR	11.85	6,092,405	5	KHẢ QUAN	7,959	6.8	1.0	72
VCI	28.1	4,444,830	5	KHẢ QUAN	12,238	14.0	1.9	125
EIB	20.4	2,970,260	5	KHẢ QUAN	30,096	10.2	1.5	61
KSB	25.8	2,543,080	5	KHẢ QUAN	1,968	15.0	1.0	66
ORS	9.58	1,675,845	5	KHẢ QUAN	1,916	12.8	0.8	16
NVL	11.05	16,698,255	4	KHẢ QUAN	21,549	9.5	0.6	185
SHB	10.05	9,145,275	4	KHẢ QUAN	30,822	4.0	0.7	92
HPX	4.22	5,151,660	4	KHẢ QUAN	1,284	11.8	0.4	22
KLF	0.9	4,185,665	4	KHẢ QUAN	149	#N/A N/A	0.1	4
DRH	5.15	3,242,195	4	KHẢ QUAN	637	43.1	0.4	17
PVX	2.5	3,018,475	4	KHẢ QUAN	1,000	13.8	3.6	8
VIC	53	1,774,320	4	KHẢ QUAN	202,139	23.5	1.8	94
JVC	3.43	1,212,680	4	KHẢ QUAN	386	#N/A N/A	0.9	4
DXG	11.2	12,928,220	3	TRUNG TÍNH	6,832	43.9	0.7	145

HHV	13.9	7,783,490	3	TRUNG TÍNH	4,278	13.5	0.6	108
VCG	21	6,534,235	3	TRUNG TÍNH	10,203	8.0	1.5	137
PVD	22.65	4,896,255	3	TRUNG TÍNH	12,591	#N/A N/A	0.9	111
HT1	15.5	1,370,865	3	TRUNG TÍNH	5,953	22.8	1.2	21
STB	25.35	16,391,470	2	TRUNG TÍNH	47,790	9.5	1.2	416
LCG	13.05	11,909,085	2	TRUNG TÍNH	2,475	12.5	1.0	155
BSR	16.7	7,722,270	2	TRUNG TÍNH	51,778	7.9	1.4	129
CEO	20.9	7,708,365	2	TRUNG TÍNH	5,378	19.3	1.6	161
MBB	17.6	7,309,855	2	TRUNG TÍNH	79,798	4.6	1.1	129
TCH	7.2	4,632,960	2	TRUNG TÍNH	4,811	26.9	0.6	33
TPB	23.95	4,380,000	2	TRUNG TÍNH	37,883	6.1	1.2	105
ACB	25	3,008,375	2	TRUNG TÍNH	84,436	6.2	1.4	75
VHM	42.35	2,854,190	2	TRUNG TÍNH	184,407	6.4	1.3	121
TCB	27.3	2,406,885	2	TRUNG TÍNH	96,021	4.8	0.9	66
FCN	11.5	2,245,120	2	TRUNG TÍNH	1,811	46.1	0.7	26
HNG	4.26	2,234,645	2	TRUNG TÍNH	4,722	#N/A N/A	1.6	10
CII	13.5	2,176,280	2	TRUNG TÍNH	3,405	4.5	0.6	29
SBT	14.9	1,910,920	2	TRUNG TÍNH	10,031	15.4	1.1	28
VRE	27.25	1,909,720	2	TRUNG TÍNH	61,921	22.3	1.9	52
MBS	13.9	1,714,790	2	TRUNG TÍNH	5,424	10.1	1.2	24
IDV	27.4	1,504,745	2	TRUNG TÍNH	829	7.2	1.2	41
GVR	14.5	1,447,360	2	TRUNG TÍNH	58,000	15.2	1.2	21
HUT	15.6	1,444,480	2	TRUNG TÍNH	5,439	37.6	1.4	23
ITA	4.14	1,437,740	2	TRUNG TÍNH	3,885	#N/A N/A	0.4	6
BCC	12.4	1,308,945	2	TRUNG TÍNH	1,528	22.1	0.7	16
VNM	76.5	1,242,225	2	TRUNG TÍNH	159,882	21.1	5.4	95
VPG	12.45	1,175,875	2	TRUNG TÍNH	998	18.5	0.7	15
HPG	21.2	20,632,156	0	TRUNG TÍNH	123,273	14.5	1.3	437
HQC	3.49	13,432,360	0	TRUNG TÍNH	1,663	92.1	0.4	47
HAG	7.55	8,535,875	0	TRUNG TÍNH	7,002	6.0	1.4	64
VIX	6.85	7,487,855	0	TRUNG TÍNH	3,988	9.3	0.5	51
HCM	24.85	5,286,205	0	TRUNG TÍNH	11,362	13.3	1.4	131
IDI	11.8	3,870,180	0	TRUNG TÍNH	2,686	4.9	0.8	46
IJC	12.9	3,711,100	0	TRUNG TÍNH	3,249	6.7	0.9	48
LDG	4.32	3,570,520	0	TRUNG TÍNH	1,107	290.9	0.3	15
KBC	22.85	3,398,210	0	TRUNG TÍNH	17,540	11.3	1.1	78
AAA	8.9	3,397,090	0	TRUNG TÍNH	3,402	18.4	0.6	30
IDC	39.5	3,144,630	0	TRUNG TÍNH	13,035	5.8	2.4	124
TNG	18.3	2,679,770	0	TRUNG TÍNH	1,924	6.5	1.2	49
ASM	8.45	2,461,655	0	TRUNG TÍNH	2,844	4.5	0.6	21
PC1	28.2	2,182,555	0	TRUNG TÍNH	7,626	16.9	1.5	62
HHS	4.2	2,041,920	0	TRUNG TÍNH	1,350	6.1	0.3	9
FIT	4.08	2,040,890	0	TRUNG TÍNH	1,387	27.1	0.4	8
HBC	8.4	1,839,285	0	TRUNG TÍNH	2,303	#N/A N/A	0.9	15
DBC	13.5	1,655,660	0	TRUNG TÍNH	3,267	21.8	0.7	22
ANV	31.65	1,636,285	0	TRUNG TÍNH	4,213	6.0	1.4	52
KDH	25.9	1,625,275	0	TRUNG TÍNH	18,566	18.0	1.6	42
DGC	50.6	1,495,785	0	TRUNG TÍNH	19,217	3.6	1.8	76

IDJ	8.2	1,364,610	0	TRUNG TÍNH	1,423	10.1	0.7	11
DLG	2.2	1,319,245	0	TRUNG TÍNH	658	#N/A N/A	0.5	3
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
GEX	11.9	8,399,160	-2	TRUNG TÍNH	10,133	26.7	0.8	100
SCR	6.78	7,477,455	-2	TRUNG TÍNH	2,683	53.5	0.6	51
BCG	6.43	2,402,625	-2	TRUNG TÍNH	3,430	8.4	0.5	15
IBC	2.76	1,710,465	-2	TRUNG TÍNH	229	#N/A N/A	0.2	5
TSC	3.7	1,316,405	-2	TRUNG TÍNH	728	#N/A N/A	0.4	5
DCS	0.6	1,287,700	-2	TRUNG TÍNH	36	150.0	0.1	1
HAH	33.5	1,191,505	-2	TRUNG TÍNH	2,357	3.3	1.0	40
HVG	1.4	1,205,225	-3	TRUNG TÍNH	318	#N/A N/A	0.4	2
DIG	12.2	10,606,425	-4	TIÊU CỰC	7,440	48.8	1.0	129
HAI	1.58	2,614,585	-4	TIÊU CỰC	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	4
AMV	4	2,490,685	-4	TIÊU CỰC	524	9.0	0.3	10
VIB	20.7	2,476,890	-4	TIÊU CỰC	43,629	5.2	1.3	51
MWG	39.4	1,496,975	-4	TIÊU CỰC	57,657	13.9	2.4	59
TTF	4.21	1,483,410	-4	TIÊU CỰC	1,657	157.9	4.2	6
VHG	2.2	1,291,500	-4	TIÊU CỰC	330	#N/A N/A	2.0	3
CMX	8.49	1,231,290	-4	TIÊU CỰC	865	11.8	0.7	10
AMD	1.11	2,146,020	-5	TIÊU CỰC	181	#N/A N/A	0.1	2
KDC	54.1	1,206,995	-5	TIÊU CỰC	13,916	37.7	2.0	65
DPM	34	1,708,285	-6	TIÊU CỰC	13,305	2.4	1.0	58
DCM	23.15	2,295,400	-7	TIÊU CỰC	12,256	3.0	1.2	53

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Dow Jones sụt gần 600 điểm sau nhận định của Chủ tịch Fed

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, chỉ số Dow Jones rớt 574.98 điểm (tương đương 1.72%) xuống 32,856.46 điểm. Chỉ số S&P 500 mất 1.53% còn 3,986.37 điểm và khép phiên dưới mốc 4,000 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite lùi 1.25% xuống 11,530.33 điểm.

Khi các chỉ số chứng khoán chính giảm, lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 2 năm đã tăng lên mức cao nhất kể từ năm 2007 là 5%. Đợt bán tháo trong ngày thứ Ba đã khiến Dow Jones rơi vào vùng tiêu cực trong năm 2023, giảm 0.9% từ đầu năm đến nay. S&P 500 và Nasdaq Composite lần lượt tăng 3.8% và 10.2%.

Ông Powell cho biết trong bài phát biểu trước Ủy ban Ngân hàng, Nhà ở và Đô thị Thượng viện Mỹ vào sáng ngày thứ Ba rằng: “Dữ liệu kinh tế mới nhất mạnh hơn dự kiến, điều này cho thấy mức lãi suất cuối cùng có thể sẽ cao hơn dự đoán trước đó. Nếu toàn bộ dữ liệu chỉ ra rằng việc thắt chặt nhanh hơn được đảm bảo, thì chúng tôi sẽ sẵn sàng tăng tốc độ nâng lãi suất”.

Những nhận định cho thấy rằng Fed có thể xem xét nâng lãi suất mạnh hơn mức nâng 25 điểm cơ bản tại cuộc họp chính sách tiếp theo vào ngày 21 – 22/3.

Nguồn: vietstock.vn

Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ ngắn hạn vượt 5%

Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 3 tháng, 6 tháng, 1 năm và 2 năm đồng loạt vượt 5%. Ở mức cao nhất trong phiên, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 3 tháng và 2 năm đã tăng lên mức cao chưa từng thấy kể từ năm 2007, còn lợi suất 1 năm chạm đỉnh kể từ năm 2006.

Ngoài ra, chênh lệch lợi suất giữa kỳ hạn 2 năm và 10 năm đã chạm mức đáy mới -105.3 điểm cơ bản, mức thấp nhất kể từ năm 1981. Đây là hiện tượng đường cong lợi suất bị đảo ngược, một điềm báo chẳng lành cho nền kinh tế Mỹ.

Nguồn: vietstock.vn

FTS: lên kế hoạch lợi nhuận năm 2023 giảm 34%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ, năm 2023, CTCP Chứng khoán FPT (FTPS, HOSE: FTS) đề ra mục tiêu lãi trước thuế đã thực hiện 420 tỷ đồng, giảm 34% so với năm trước.

Cụ thể, ban tổng giám đốc FTS dự báo thị trường chứng khoán năm 2023 kém hấp dẫn với thanh khoản giảm sút so với năm 2022 trong bối cảnh nền kinh tế không mấy sáng sủa, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức. Thị trường dự báo không có thêm sản phẩm mới và chỉ có ít cổ phiếu mới niêm yết/đăng ký giao dịch. Ngoài ra, cạnh tranh về phí giao dịch giữa các công ty chứng khoán khốc liệt hơn.

Từ đó, FTS đề xuất kế hoạch năm 2023 với chỉ tiêu tổng doanh thu hoạt động và doanh thu tài chính ở mức 770 tỷ đồng, giảm 26.5% so với năm trước. Lãi trước thuế đã thực hiện đạt 420 tỷ đồng, giảm 34%.

Nguồn: vietstock.vn

VNM: cùng đối tác Nhật xây tổ hợp trang trại Vinabeef Tam Đảo 500 triệu USD

Dự án xây dựng trên diện tích gần 75 ha tại xã Minh Quang, huyện Tam Đảo và xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên với tổng mức đầu tư 500 triệu USD. Trong đó, giai đoạn 1 đầu tư 1,670 tỷ đồng xây dựng các hạng mục: trang trại chăn nuôi – vỗ béo bò thịt với công suất

10,000 con/năm; nhà máy chế biến thịt bò công suất 30,000 con/năm. Giai đoạn 2, nhà đầu tư mở rộng hoạt động chế biến sâu, cung cấp các sản phẩm có nguồn gốc protein khác cho thị trường.

Đại diện chủ đầu tư dự án cho biết, dự án có mô hình đầu tư khép kín từ chăn nuôi – sản xuất – chế biến đến phân phối. Dự án xây dựng hệ thống cung cấp thịt bò tại Việt Nam và Đông Nam Á cũng như xuất khẩu đến nhiều thị trường ở châu Âu và châu Mỹ.

Nguồn: vietstock.vn

TDM: lên kế hoạch lãi ròng 2023 tăng 35%

HDQT TDM đặt mục tiêu tổng doanh thu năm 2023 đạt 642.2 tỷ đồng (tăng 27%), với đóng góp lớn nhất từ doanh thu sản xuất nước, ước đạt 526.8 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022. Bên cạnh đó, doanh thu tài chính kỳ vọng đạt 115 tỷ đồng, tăng 379%. Lãi sau thuế ước đạt 298.4 tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2022.

TDM cho biết lợi nhuận năm 2023 được xây dựng dựa trên mức tăng trưởng doanh thu sản xuất nước là 10%, cộng thêm gần 94 tỷ đồng từ cổ tức của CTCP Nước - Môi trường Bình Dương (Biwase, HOSE: BWE) với tỷ lệ 13%.

Song song đó, TDM cũng đã lên kế hoạch thi công các dự án của nhà máy nước Dĩ An và nhà máy nước Bàu Bàng. Tổng giá trị đầu tư đạt 591 tỷ đồng.

Cụ thể, với nhà máy nước Dĩ An, TDM dự kiến làm việc với các sở ban ngành để được cấp phép thi công tuyến ống nước thô D1600 mm trong năm 2023, vốn đầu tư khoảng 256 tỷ đồng.

Còn ở nhà máy nước Bàu Bàng, hoàn thiện thi công tuyến ống nước thô tự chảy D2.400 L=1,200m với tổng giá trị đầu tư 70 tỷ đồng và chuẩn bị kế hoạch đầu tư tuyến ống thô D1500 (dự kiến thực hiện cuối 2023) với tổng giá trị 265 tỷ đồng. TDM cho biết đang làm việc với JICA và ADB để vay vốn đầu tư.

Nguồn: vietstock.vn

PLX: không thể thoái 10,66% vốn tại Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (BMF)

Không có nhà đầu tư tham gia, phiên đấu giá cổ phần CTCP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex (Petrolimex, mã PLX - sàn HoSE) sở hữu đã không diễn ra.

Cụ thể, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) thông báo sẽ không tổ chức phiên đấu giá cổ phần của CTCP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai (mã BMF – sàn UPCoM) do Petrolimex sở hữu vào ngày 8/3/2023 do kết thúc thời hạn đăng ký và đặt cọc nhưng không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá.

Căn cứ theo Điều 14 Quy chế bán đấu giá cổ phần kèm Quyết định số 8/QĐ-SGDHN, phiên đấu giá không đủ điều kiện để tổ chức.

Trước đó, Petrolimex cho biết sẽ đấu giá 443.500 cổ phiếu CTCP Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai, tương ứng chiếm 10,66% vốn điều lệ với giá khởi điểm 40.900 đồng/cổ phiếu trên HNX.

Ở một diễn biến khác, ngày 7/4/2023, Petrolimex dự kiến sẽ tổ chức phiên đấu giá 120 triệu cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank, mã PGB - UPCoM), tương ứng 40% vốn điều lệ với giá khởi điểm là 21.300 đồng/cổ phiếu.

Nguồn: vietnambiz.vn

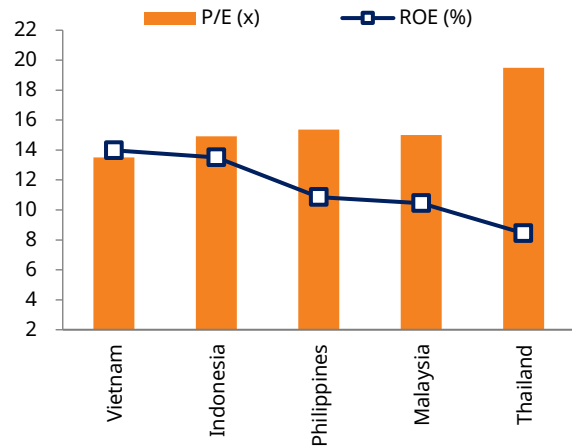
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



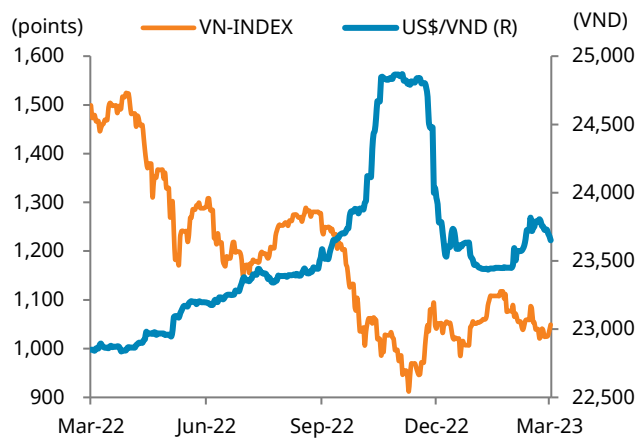
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



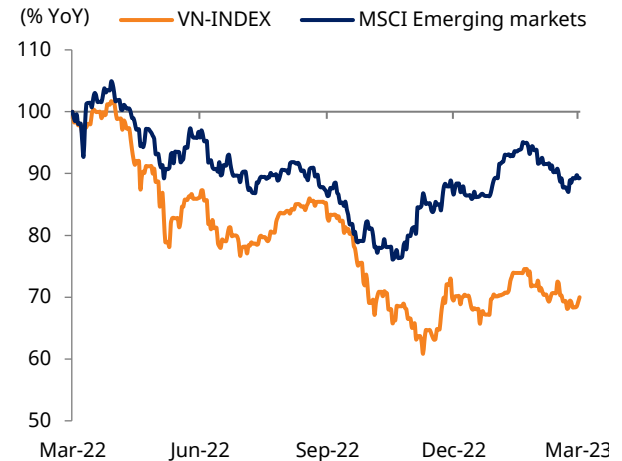
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



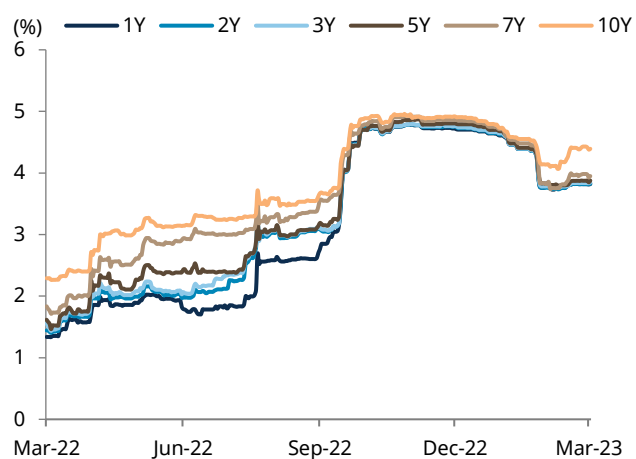
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



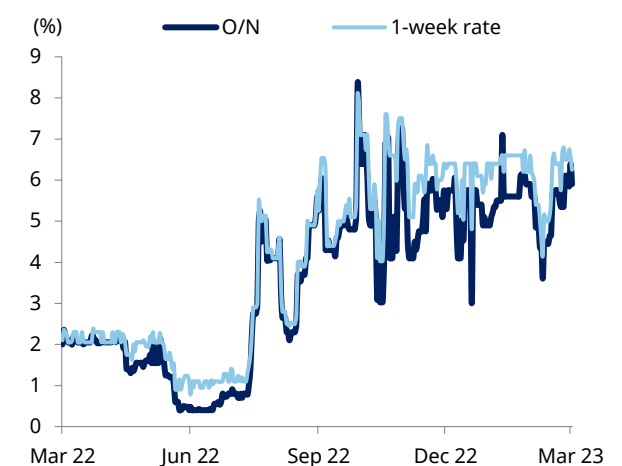
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,140,323	1,049.18	1,523.75	1,507.62	1.1	0.8	-2.1	-28.8	13.5	1.6	14.0		
VN30 Index		3,031,928	1,040.59	1,558.41	1,529.23	1.3	0.6	-3.1	-30.2	10.8	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	84,436	25,000	27,080	26,640	2.0	-0.6	1.4	-4.1	6.2	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	242,809	48,000	48,000	45,900	2.3	5.1	7.9	15.4	13.3	2.4	19.9	17.3	12.8
VietinBank	CTG VN	141,289	29,400	33,450	32,850	1.4	4.1	-1.7	-8.3	8.4	1.3	16.9	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	46,784	18,600	23,400	22,840	0.5	5.1	1.6	-15.0	6.0	1.3	23.5	18.7	1.4
MBBank	MBB VN	79,798	17,600	27,917	27,083	1.1	-0.3	-4.3	-31.9	4.6	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	47,790	25,350	34,300	33,650	1.4	-0.2	1.4	-17.8	9.5	1.2	13.8	29.2	0.8
Techcombank	TCB VN	96,021	27,300	50,200	49,600	0.7	0.0	-2.0	-44.3	4.8	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	37,883	23,950	41,400	40,200	1.9	-0.2	-2.6	-38.3	6.1	1.2	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	436,338	92,200	96,200	92,500	0.3	-0.9	-2.1	13.1	14.6	3.2	24.2	23.6	6.4
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	43,629	20,700	35,852	34,370	0.5	-1.9	-10.8	-37.3	5.2	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	121,845	18,150	26,800	25,333	4.3	4.0	1.1	-26.4	6.7	1.3	20.7	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	29,683	19,800	44,645	43,141	2.1	4.5	1.5	-55.2	13.6	1.3	9.3	42.8	56.7
Bao Viet Holdings	BVH VN	36,374	49,000	66,900	64,000	1.4	-0.9	-0.5	-16.1	23.8	1.8	7.4	27.3	21.7
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	87,458	84,500	98,800	95,000	0.6	0.2	0.0	13.0	64.7	5.2	9.9	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	21,549	11,050	88,300	84,800	1.8	7.8	-22.7	-85.5	9.5	0.6	6.2	5.7	43.3
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	7,959	11,850	68,819	67,425	4.9	13.9	-4.0	-81.5	6.8	1.0	15.1	3.9	45.1
Vinhomes JSC	VHM VN	184,407	42,350	78,100	77,100	0.1	2.8	-9.1	-43.2	6.4	1.3	21.3	23.9	26.1
Vingroup JSC	VIC VN	202,139	53,000	82,700	81,400	0.6	0.6	-2.6	-32.0	23.5	1.8	8.0	12.7	36.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	61,921	27,250	34,150	33,400	2.4	1.7	-4.4	-16.2	22.3	1.9	8.7	32.5	17.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	57,657	39,400	81,000	76,900	-0.8	-3.4	-11.5	-41.3	13.9	2.4	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	114,467	80,400	133,250	128,750	2.7	-0.1	-14.0	-39.2	32.0	4.4	12.1	30.5	18.5
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	119,599	186,500	198,500	189,000	-0.2	-3.1	-5.4	19.9	23.3	5.2	23.6	62.6	37.4
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	159,882	76,500	84,300	81,800	0.9	-0.5	0.9	0.5	21.1	5.4	24.1	55.8	44.2
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	49,426	38,900	63,900	61,300	-0.3	0.6	4.6	-36.5	33.6	2.0	6.0	18.1	2.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	58,000	14,500	37,000	36,000	0.7	0.7	-1.7	-60.1	15.2	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	123,273	21,200	38,692	37,577	0.5	1.4	1.7	-44.3	14.5	1.3	9.1	23.4	25.6
FPT Corp	FPT VN	87,214	79,500	98,000	95,417	0.9	-1.2	-2.1	0.6	16.4	4.1	24.8	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	53,240	98,300	147,000	144,200	1.2	-3.2	-9.0	-28.2	N/A	3.7	-14.0	17.3	12.7
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	202,687	105,900	131,900	128,300	1.3	0.8	-1.3	-12.3	13.8	3.4	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	29,859	12,750	17,400	16,750	1.6	3.2	4.1	-25.9	15.8	1.0	6.4	6.2	42.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.